MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 26

****

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)**	**200**		**37,693,986,113**	**38,852,622,015**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**	V.9	**33,360,425,859**	**35,563,816,675**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		13,712,318,752	16,435,577,983
	Nguyên giá	*222*		*31,028,673,546*	*29,935,841,976*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(17,316,354,794)*	*(13,500,263,993)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		19,385,179,145	18,865,310,730
	Nguyên giá	*228*		*24,314,424,434*	*22,229,363,434*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(4,929,245,289)*	*(3,364,052,704)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	262,927,962	262,927,962
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**-**	**-**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	*254*		-	-
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	*255*		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**4,333,560,254**	**3,288,805,340**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2,410,929,425	1,547,851,527
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.12	1,922,630,829	1,740,953,813
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2,930,122,033,786**	**1,799,293,983,192**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	**01**		**313,358,561,804**	**130,760,588,445**
Trong đó:				**-**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		63,171,464,511	15,721,924,156
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		158,126,755,528	102,633,067,757
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		269,218,509	9,492,556
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		115,932,292	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		91,675,190,964	12,396,103,976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**-**	**22,947,218**
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	**10**		**313,358,561,804**	**130,737,641,227**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**	**VI.1**	**55,335,289,014**	**32,904,604,931**
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	**20**		**258,023,272,790**	**97,833,036,296**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	**VI.2**	**31,974,111,864**	**16,695,605,303**
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	**30**		**226,049,160,926**	**81,137,430,993**
8. Thu nhập khác	**31**	**VI.3**	**49,872,375**	**2,604,619,771**
9. Chi phí khác	**32**	**VI.4**	**273,613,449**	**2,180,889,739**
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(223,741,074)**	**423,730,032**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**225,825,419,852**	**81,561,161,025**
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**V.15**	**54,206,080,326**	**-**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**		**-**	**-**
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**171,619,339,526**	**81,561,161,025**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.5**	**3,870**	**1,839**

Lập ngày 30 tháng 7 năm 2010

Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**
Nguyễn Hà Ninh	**Phạm Minh Hương**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3.	Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005	-	-
6.	Chứng khoán lưu ký	006	1,646,519,650,000	1,163,185,050,000
	Trong đó:			
6.1	*Chứng khoán giao dịch*	*007*	*1,397,857,260,000*	*1,046,040,490,000*
6.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	64,675,950,000	100,811,580,000
6.1.2	Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	1,310,156,710,000	932,811,930,000
6.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	23,024,600,000	12,416,980,000
6.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2	*Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*	*012*	*248,575,390,000*	*116,315,340,000*
6.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	248,569,870,000	116,309,820,000
6.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	5,520,000	5,520,000
6.2.4	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3	*Chứng khoán cầm cố*	*017*	*87,000,000*	*829,220,000*
6.3.1	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	87,000,000	829,220,000
6.3.3	Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4	Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4	*Chứng khoán tạm giữ*	*022*	-	-
6.5	*Chứng khoán chờ thanh toán*	*027*	-	-
6.6	*Chứng khoán phong tỏa chờ rút*	*032*	-	-
6.7	*Chứng khoán chờ giao dịch*	*037*	-	-
6.8	*Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay*	*042*	-	-
6.9	*Chứng khoán sửa lỗi giao dịch*	*047*	-	-
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	304,526,400,000	89,728,280,000
10.	Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	084	60,116,020,000	62,530,400,000

Lập ngày 30 tháng 7 năm 2010

Kế toán trưởng | **Tổng Giám đốc**

Nguyễn Hà Ninh | **Phạm Minh Hương**

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**2,022,096,747,457**	**1,257,884,726,389**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**2,022,096,747,457**	**1,257,884,726,389**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	220,000,000,000	220,700,000,000
2.	Phải trả người bán	312	V.14	54,139,446,688	1,949,380,898
3.	Người mua trả tiền trước	313		4,122,768,000	40,000,000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	104,730,982,160	48,726,646,692
5.	Phải trả người lao động	315		682,418,041	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	16,712,622,441	8,652,457,575
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	929,716,572,363	677,941,145,272
9.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.18	5,638,605,884	1,284,670,778
10.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322	V.19	4,893,072,000	2,942,265,000
11.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.20	681,460,259,880	295,648,160,174
12.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)**	**400**		**908,025,286,329**	**541,409,256,803**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**908,025,286,329**	**541,409,256,803**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	599,998,400,000	300,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	95,000,000,000	50,000,000,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(3,310,000)	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	22,140,925,680	22,140,925,680
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	190,889,270,649	169,268,331,124
II.	**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2,930,122,033,786**	**1,799,293,983,192**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)**	**100**		**2,892,428,047,673**	**1,760,441,361,177**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**1,033,481,987,634**	**762,628,411,589**
1.	Tiền	111		1,033,481,987,634	762,628,411,589
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**466,693,765,907**	**501,983,399,035**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	542,460,471,469	577,750,104,597
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(75,766,705,562)	(75,766,705,562)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**1,389,258,956,138**	**494,289,010,995**
1.	Phải thu của khách hàng	131		-	-
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	5,126,272,190	1,317,234,581
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.5	1,372,081,595,707	478,737,046,960
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.6	12,051,088,241	14,234,729,454
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**21,449,545**	**-**
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2,971,888,449**	**1,540,539,558**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,730,362,452	1,054,837,806
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1,241,525,997	485,701,752

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***225,825,419,852***	***81,561,161,025***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,381,283,386	4,026,112,438
- Các khoản dự phòng	03		-	425,769,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		38,881,562,116	8,234,827,146
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***270,088,265,354***	***94,247,869,609***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(872,969,116,913)	(501,177,354,600)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21,449,545)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		707,681,654,685	349,099,437,544
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,538,602,544	208,911,473
- Tiền lãi vay đã trả	13		(33,860,586,059)	(4,755,161,375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,000,000,000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***70,457,370,066***	***(62,376,297,349)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3,177,892,570)	(1,509,614,511)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	60,951,431
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,274,098,549	3,960,902,820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***6,096,205,979***	***2,512,239,740***

Số: 347/2010/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình Bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
_____	_____
Nguyễn Hoàng Đức	**Cao Thu Hiền**
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV	*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0803/KTV*

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

_____

Phạm Minh Hương

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		195,000,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		263,598,800,000	400,588,333,333
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(264,298,800,000)	(16,440,920,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***194,300,000,000***	***384,147,413,333***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**270,853,576,045**	**324,283,355,724**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**762,628,411,589**	**207,536,213,555**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**1,033,481,987,634**	**531,819,569,279**

Lập ngày 30 tháng 7 năm 2010

Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**
Nguyễn Hà Ninh	**Phạm Minh Hương**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch	11/11/2006	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Uỷ viên	11/11/2006	
Bà Đậu Thuý Hà	Uỷ viên	11/11/2006	
Bà Trần Thị Phương Loan	Uỷ viên	25/12/2008	06/01/2010
Ông Vũ Hiền	Uỷ viên	26/03/2009	
Ông Phạm Duy Hiếu	Uỷ viên	07/01/2010	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng ban	06/01/2010	
Bà Trần Thị Phương Loan	Trưởng ban	11/11/2006	06/01/2010
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	06/01/2010	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	06/01/2010	

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	20/03/2009	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Tổng Giám đốc	11/11/2006	20/03/2009
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2010	
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	01/12/2009	
Bà Nguyễn Hà Ninh	Kế toán trưởng	02/01/2009	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect (sau đây gọi tắt là " Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 ngày 7 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 101/UBCK–GP ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung Giấy phép kinh doanh chứng khoán số 301/UBCK-GPĐCCTCK ngày 08 tháng 02 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy phép kinh doanh chứng khoán thay đổi lần thứ 7 là 450.000.000.000 đồng.

Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, các Cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 04 3941 0510
Fax : 04 3941 0500
Mã số thuế : 0 1 0 2 0 6 5 3 6 6

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
Địa chỉ : Số 51 Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 9 146 925
Fax : 08 9 146 954

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.